

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19/6/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY B - TỈNH B

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Em

2. Ông Nguyễn Văn Vũ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày B, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày B, tỉnh B tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày B công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 105/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện B, tỉnh B.

Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện B, tỉnh B.

Ông P và bà H cùng có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2023, biên bản hòa giải ngày 19/5/2023 nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Lê Thị H do quen biết, sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới vào năm 1999 nhưng vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh

phúc nhưng thời gian càng về sau này thì càng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hòa hợp, thường hay cãi nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông và bà H đã sống ly thân 08 năm nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng mạnh ai nấy sống, không có hàn gắn với nhau, nay ông xác định không còn tình cảm với bà H nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về nuôi con chung: trong thời gian chung sống ông và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ K, sinh ngày 01/01/2001 (cháu K đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 14/7/2007. Khi ly hôn ông yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Tuấn, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 19/5/2023 và biên bản hòa giải ngày 19/5/2023 bị đơn bà Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: bà thống nhất với trình bày của ông P về quá trình quen biết, cũng như việc đăng ký kết hôn và quá trình chung sống. Thời gian đầu vợ chồng bà sống hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, mặc dù cả hai bên đều cố gắng nhưng bà và ông P không thể sống cùng nhau trong một mái nhà được. Do đó, vợ chồng đã ly thân từ 08 năm nay, trong thời gian ly thân cũng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn hôn nhân nhưng không được. Do hai vợ chồng không thể hàn gắn hôn nhân với nhau được nữa nên bà cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Về nuôi con chung: trong thời gian chung sống bà và ông P có hai con chung tên Nguyễn Thị Mỹ K, sinh ngày 01/01/2001 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 14/7/2007. Cháu K hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn bà đồng ý để ông P tiếp tục nuôi cháu Tuấn, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày B phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình;

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị H; về con chung: Ông Nguyễn Văn P được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 14/7/2007; bà Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con do ông P không có yêu cầu. Cháu Nguyễn Thị Mỹ K, sinh ngày 01/01/2001 đã thành niên,

có khả năng lao động nên không đề cập. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn Lê Thị H có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống, có mặt tại xã A, huyện Mỏ Cày B nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày B, tỉnh B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn, bị đơn cùng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung*:

2.1 Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn P đối với bà Lê Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông P và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện nhưng lại không tiến hành đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên việc kết hôn của ông P và bà H không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Trong suốt quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, ông P và bà H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không có hạnh phúc nên ông P và bà H không còn chung sống với nhau khoảng 08 năm nay. Từ những mâu thuẫn không thể hàn gắn đó ông P và bà H cùng thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn với nhau. Xét thấy, ông P và bà H cùng thống nhất ý kiến với nhau về việc chấm dứt quan hệ vợ chồng của ông bà, đây là sự tự nguyện của cả hai Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.2 *Về con chung*: trong thời gian chung sống như vợ chồng ông P và bà H có hai con chung tên Nguyễn Thị Mỹ K, sinh ngày 01/01/2001 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 14/7/2007. Hội đồng thấy rằng cháu K hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động nên không xem xét.

Khi ly hôn ông P và bà H cùng thống nhất để ông P tiếp tục nuôi cháu Tuấn, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Tuấn. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Tuấn cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng. Ông P không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3 *Về tài sản chung và nợ chung*: ông P và bà H thống nhất không có nên không xem xét giải quyết.

[3] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: ông Nguyễn Văn P phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] *Về hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị H là vợ chồng

[2] *Về con chung*: ông P và bà H có hai con chung tên Nguyễn Thị Mỹ K, sinh ngày 01/01/2001 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 14/7/2007. Cháu K đã thành niên, có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Giao cháu T cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng (hiện nay cháu T đang sống với ông P), bà H không phải cấp dưỡng nuôi con do ông P không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] *Về chia tài sản và nợ chung*: ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị H trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

[4] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005125 ngày 25/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày B, tỉnh B nên không còn phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày B (2b);
- Chi Cục THADS huyện Mỏ Cày B (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thanh Minh